

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 04 - 01 - 2022
“V/v Tranh chấp ly hôn, quyền nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Giáp Trà Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thạch Thị Mỹ Kim

Ông Cao Minh Sơn

Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 04 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 248/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2021, về việc “*Tranh chấp ly hôn, quyền nuôi con*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2021/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 70/2021/QĐST ngày 16 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1990

Địa chỉ: khóm A, phường B, thành phố T, tỉnh T.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1991

Nơi ĐKKHKT: khóm A, phường B, thành phố T, tỉnh T.

(Vắng mặt – đã bị tuyên bố mất tích)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/10/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc P trình bày và có yêu cầu như sau:

Năm 2010, ông kết hôn với bà Nguyễn Thị D và có đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân phường B, thành phố Trà Vinh vào ngày 15/6/2010. Trong thời kỳ hôn nhân ông và bà D có 02 người con tên Nguyễn Phát Đ, sinh ngày 31/5/2010 và Nguyễn Phát L, sinh ngày 17/6/2013. Năm 2014, do xảy ra mâu thuẫn vợ chồng nên bà D bỏ nhà đi khỏi địa phương cho đến nay không rõ tung tích. Qua nhiều lần tìm kiếm bà D nhưng không có kết quả. Ngày 13/02/2020 ông làm đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh tuyên bố bà Nguyễn Thị D mất tích. Ngày 24/9/2020, Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh có Quyết định số 03/2020/QĐST – VDS tuyên bố bà Nguyễn Thị D mất tích. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, bà D đã mất tích gần 08 năm và không thể hàn gắn được tình cảm vợ chồng nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông ly hôn với bà Nguyễn Thị D.

- Về con chung: Ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nguyễn Phát Đ, sinh ngày 31/5/2010 và Nguyễn Phát L, sinh ngày 17/6/2013, không yêu cầu bà D phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: ông P khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị D đã mất tích nên vắng mặt tất cả các lần triệu tập của Tòa và không thu thập được lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt và bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, do đó căn cứ Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Ngọc P và bà Nguyễn Thị D tự nguyện tiến đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Trà Vinh nên quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Ngọc P và bà Nguyễn Thị D là hợp pháp.

Nay ông Nguyễn Ngọc P yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị D với lý do vì mâu thuẫn vợ chồng nên bà D bỏ nhà đi từ năm 2014 đến nay không có tin tức, ông P nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có cơ hội để hàn gắn. Bà D và ông P đã có 02 người con chung, thời điểm bà D bỏ nhà đi con chung còn rất nhỏ nhưng bà D không có tới lui chăm sóc hay liên lạc thăm nom, thể hiện bà D cũng không có trách nhiệm gì với gia đình và các con. Do đó, xét thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Nguyễn Ngọc P là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: ông P và bà D có 02 con chung tên Nguyễn Phát Đ, sinh ngày 31/5/2010 và Nguyễn Phát Lợi, sinh ngày 17/6/2013 hiện đang sống chung với ông P nên ông P yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu bà D phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, từ trước đến nay ông P vẫn đảm bảo nuôi dạy con

tốt. Do đó, chấp nhận yêu cầu nuôi con của ông P, giao con tên Nguyễn Phát Đ và Nguyễn Phát L cho ông P tiếp tục nuôi dưỡng.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: đương sự tự khai không có nên Tòa án không đặt ra giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, ông Nguyễn Ngọc P có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 28, 35, 147, 238 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ: Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ: Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc P.

1. Về hôn nhân: Cho ông Nguyễn Ngọc P được ly hôn với bà Nguyễn Thị D.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phát Đ, sinh ngày 31/5/2010 và Nguyễn Phát L, sinh ngày 17/6/2013 cho ông Nguyễn Ngọc P chăm sóc nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị D không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: đương sự tự khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, cần trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số: 0007479 ngày 04 tháng 01 năm 2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh nên không phải nộp thêm.

Án xử sơ thẩm, đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt thì được quyền kháng cáo bản án

trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã, phường nơi đương sự cư trú.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP.Trà Vinh;
- Chi cục THADS TP.Trà Vinh;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Giáp Trà Giang